

Số: 193 /BC-BCĐ

Gia Lai, ngày 18 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Phản thứ nhất ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG

1. Bối cảnh

Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, với quan điểm đào tạo nghề cho lao động nông thôn (LĐNT) là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi LĐNT; chuyên mạnh đào tạo nghề cho LĐNT từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của LĐNT và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương.

Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho LĐNT, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi LĐNT, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho LĐNT. Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho LĐNT theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để LĐNT tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của lao động.

2. Điều kiện hiện tại của tỉnh Gia Lai

- Diện tích: 15.510,9 km²; số đơn vị hành chính (cấp huyện, xã): 17 huyện, thị xã và thành phố.

- Dân số: 1.520.155 người; số người trong độ tuổi lao động: 908.143 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề) năm 2010 đạt 30% (qua đào tạo nghề 20%), năm 2015 đạt 40% (qua đào tạo nghề 29,2%), năm 2020 đạt 55% (trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 35,5%).

- Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn: có 20 cơ sở, trong đó:

+ Trường cao đẳng: 02 (công lập).

+ Trường trung cấp: 00 (do đã sáp nhập 04 Trường Trung cấp vào Trường Cao đẳng nghề Gia Lai thành Trường Cao đẳng Gia Lai).

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp: Có 16 trung tâm (công lập cấp huyện: 12).

+ Doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp: 02 doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2010-2015

Đào tạo nghề cho 57.000 LĐNT, trong đó 30.000 người học nghề nông nghiệp, 27.000 người học nghề phi nông nghiệp. Sau khi học nghề có từ 70% số người học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020

Đào tạo nghề cho 65.000 LĐNT, trong đó 29.000 người học nghề nông nghiệp, 36.000 người học nghề phi nông nghiệp. Sau khi học nghề có từ 80% số người học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn.

III. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Xây dựng bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề cho LĐNT, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện Đề án. Ngày 14/06/2011, Tỉnh ủy Gia Lai đã ban hành Chi thị số 07-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác đào tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Ngày 27/4/2010, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 237/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020 của tỉnh Gia Lai và Quyết định 02/QĐ-BCĐ ngày 30/11/2012 Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh thực hiện Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020 của tỉnh Gia Lai.

a) Ở cấp tỉnh

Ban Chỉ đạo (BCĐ) cấp tỉnh đã tập trung chỉ đạo các sở, ngành và các BCĐ địa phương triển khai kịp thời các hoạt động của Đề án; chú trọng chỉ đạo việc khảo sát nhu cầu, xây dựng và triển khai kế hoạch, thường xuyên đôn đốc hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án.

Triển khai tinh thần đổi mới cơ chế quản lý theo hướng phân cấp mạnh chức năng quản lý nhà nước về Dạy nghề, đặc biệt là dạy nghề cho LĐNT theo Quyết định 1956/QĐ-TTg; giai đoạn (2010-2013), UBND tỉnh giao kinh phí hỗ trợ đào tạo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) chủ trì, phối hợp với các địa phương triển khai, nhưng từ năm 2014 trở đi đã đổi mới phương thức phân bổ và phân kinh phí này cho cấp huyện quản lý và sử dụng.

b) Ở cấp huyện

Tất cả các huyện đã thành lập BCĐ thực hiện Đề án, tổ chức quán triệt Đề án tới cán bộ chủ chốt; chỉ đạo các cơ quan truyền thông của địa phương tuyên truyền chính sách của Đề án; tất cả các huyện đã bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm quản lý giáo dục nghề nghiệp ở các Phòng LĐTBXH.

Năm 2013, thực hiện Thông tư liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BCT-BTTTT ngày 12/12/2012 của Liên Bộ và các văn bản hướng dẫn từ các sở, ban ngành của tỉnh, BCĐ các huyện đã tổ chức kiện toàn BCĐ, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, trong đó Trưởng Phòng LĐTBXH làm Phó ban thường trực và Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó ban của BCĐ.

c) Ở cấp xã

Hầu hết các xã đã thành lập Tổ triển khai thực hiện Đề án, tổ chức quán triệt Đề án tới cán bộ chủ chốt; hàng năm đã xây dựng kế hoạch gửi Phòng LĐTBXH, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) tổng hợp, thường xuyên kiểm tra, giám sát các lớp học trên địa bàn xã.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án

2.1. Về ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương

Tỉnh Gia Lai với đặc thù là phần đông lao động tham gia sản xuất nông nghiệp cá thể và lao động người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, đặc biệt tỷ lệ hộ nghèo trong dân tộc thiểu số rất cao (80%). Do đó, địa phương cũng đã ban hành các cơ chế để triển khai các hoạt động của Đề án phù hợp với đặc thù, có thể khái quát như sau:

- Tăng cường tuyên truyền vận động ở các xã vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Ưu tiên tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động nông thôn và lao động là người dân tộc thiểu số;

- Nghề đào tạo cho lao động người dân tộc thiểu số phải phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội, tiềm năng việc làm ở địa phương, khu vực và năng lực tiếp cận việc làm của người dân tộc thiểu số;

- Nội dung, phương pháp và kế hoạch đào tạo các lớp dạy nghề cho lao động dân tộc thiểu số phải phù hợp với trình độ, năng lực, tập quán và trình độ sản xuất ở địa phương;

- Cấp xã chủ động tham mưu cấp huyện có kế hoạch hỗ trợ về vốn, điều kiện sản xuất và việc làm cho lao động dân tộc thiểu số sau học nghề.

2.2. Công tác ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 755-QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” của tỉnh Gia Lai; thành lập BCĐ Đề án 1956 của tỉnh và Ban hành Quy chế hoạt động của BCĐ; hàng năm, UBND tỉnh đều phê duyệt Quyết định phân bổ kinh phí cho Đề án và ban hành kế hoạch triển khai Đề án trên địa bàn tỉnh; đồng thời hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Đề án và chỉ đạo quyết liệt việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Đề án; mặc khác, giao Sở LĐTBXH (Cơ quan thường trực của BCĐ) chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc thực hiện Đề án.

(Có Phụ lục 1 kèm theo).

3. Tình hình thực hiện mục tiêu Đề án

3.1. Kết quả thực hiện mục tiêu Đề án giai đoạn 2010-2015

a) Kết quả thực hiện

Giai đoạn 2010-2015, tổng số LĐNT được hỗ trợ học nghề theo chính sách Đề án 1956 là 32.388 lao động¹ (trong đó: nông nghiệp 23.793 người, phi nông nghiệp 8.595 người) đạt 100,5% so với kế hoạch (32.214 người).

b) Đánh giá

- Giai đoạn 2010-2015 là giai đoạn đầu triển khai Đề án nên tinh cùn nhiều lúng túng trong quá trình thực hiện.

- Từ năm 2010-2013, kinh phí hỗ trợ LĐNT học nghề giao cho Sở LĐTBXH, năm 2014 giao về cấp huyện quản lý, sử dụng, một vài năm đầu một số địa phương chưa quen với quy trình và phương thức triển khai nên việc triển khai Đề án có nơi còn chậm.

- Trong quá trình triển khai Đề án sự phối, kết hợp giữa các phòng, ban, cơ quan có liên quan ở một số huyện còn thiếu nhịp nhàng; việc huy động các doanh nghiệp tham gia Đề án còn hạn chế.

3.2. Kết quả thực hiện mục tiêu Đề án giai đoạn 2016-2020

a) Kết quả thực hiện

Giai đoạn 2016-11/2020, tổng số LĐNT được hỗ trợ học nghề theo chính sách Đề án 1956 là 13.725 lao động² (trong đó: nông nghiệp 8.764 người, phi nông nghiệp 4.961 người); đạt 101,4% so với kế hoạch (13.540 người).

b) Đánh giá

- So với giai đoạn 2010-2015, giai đoạn 2016-2020 mức hỗ trợ kinh phí đào tạo của Đề án tăng gấp đôi, nên số lao động được hỗ trợ đào tạo có thấp hơn so với mục tiêu dự kiến.

- Quy mô đào tạo nghề cho LĐNT tăng dần sau từng năm của mỗi giai đoạn, chất lượng đào tạo từng bước được nâng lên, hình thức và phương pháp đào tạo ngày càng đa dạng theo hướng gắn với nhu cầu người học, nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp và

¹ Cụ thể: Năm 2011, tổng số LĐNT được đào tạo là 6.645 người (trong đó: DTTS: 5.098 người, chiếm 76,7%; nữ 2.577 người, chiếm 38,8%; nông nghiệp là 4.909 người, phi nông nghiệp là 1.736 người); Năm 2012, tổng số LĐNT được đào tạo là 6.551 người (trong đó: DTTS: 5.692 người, chiếm 86,9%; nữ 2.635 người, chiếm 40,2%; nông nghiệp là 4.728 người, phi nông nghiệp là 1.823 người); Năm 2013, tổng số LĐNT được đào tạo là 7.134 người (trong đó: DTTS: 5.633 người, chiếm 79%; nữ 2.635 người chiếm 38,4%; nông nghiệp là 5.229 người, phi nông nghiệp là 1.905 người); Năm 2014, tổng số LĐNT được đào tạo là 6.638 người (trong đó: DTTS: 6.023 người, chiếm 90,7%; nữ 2.556 người, chiếm 38,5%; nông nghiệp là 4.821 người, phi nông nghiệp là 1.817 người); Năm 2015, tổng số LĐNT được đào tạo là 5.420 người (trong đó: DTTS: 4.916 người, chiếm 90,7%; nữ 2.237 người chiếm 41,3%; nông nghiệp là 4.106 người, phi nông nghiệp là 1.314 người). Trong giai đoạn 2010-2015, tổng số học viên tốt nghiệp khóa đào tạo, được cấp chứng chỉ học nghề là 30.208 người (đạt 93,3% tổng số học viên tham gia khóa học); tổng số học viên có việc làm sau khi đào tạo là 23.744 người (đạt 78,5% tổng số học viên tốt nghiệp khóa học nghề).

² Cụ thể: Năm 2016, tổng số LĐNT được đào tạo là 2.596 người (trong đó: DTTS: 2.376 người, chiếm 91,5%; nữ 959 người, chiếm 36,9%; nông nghiệp là 1.879 người, phi nông nghiệp là 717 người); Năm 2017, tổng số LĐNT được đào tạo là 1.919 người (trong đó: DTTS: 1.789 người, chiếm 93,2%; nữ 703 người, chiếm 36,6%; nông nghiệp là 1.401 người, phi nông nghiệp là 518 người); Năm 2018, tổng số LĐNT được đào tạo là 2.948 người (trong đó: DTTS: 2.742 người, chiếm 93%; nữ 1.034 người, chiếm 35,1%; nông nghiệp là 1.641 người, phi nông nghiệp là 1.307 người); Năm 2019, tổng số LĐNT được đào tạo là 2.990 người (trong đó: DTTS: 2.814 người, chiếm 94,1%; nữ 1.189 người, chiếm 39,8%; nông nghiệp là 1.878 người, phi nông nghiệp là 1.112 người); Năm 2020, tổng số LĐNT được đào tạo là 3.272 người (trong đó: DTTS: 3.203 người, chiếm 97,9%; nữ 1.393 người, chiếm 42,6%; nông nghiệp là 1.965 người, phi nông nghiệp là 1.307 người). Trong gian đoạn 2016-31/9/2020, tổng số học viên tốt nghiệp khóa đào tạo, được cấp chứng chỉ học nghề là 10.128 người (đạt 79,3% tổng số học viên tham gia khóa học); dự kiến đến cuối năm 2020 tổng số học viên tốt nghiệp là 13.008 người, tổng số học viên có việc làm sau khi đào tạo là 10.796 người (đạt 83% tổng số học viên tốt nghiệp khóa học nghề).

của nền kinh tế. Đã xây dựng được nhiều mô hình dạy nghề cho LĐNT có hiệu quả, phù hợp với thực tế phát triển kinh tế ở địa phương, đem lại việc làm bền vững cho người lao động.

- Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị các cơ sở ngày càng được đầu tư, nâng cấp hiệu quả, góp phần tăng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề. Thu hút được các cơ sở tham gia đào tạo nghề, huy động được lực lượng lớn cán bộ kỹ thuật, kỹ sư tham gia giảng dạy tại các lớp đào tạo nghề cho LĐNT.

- Với tình hình giá nông sản thấp và bấp bênh, mức độ cơ giới hóa và đô thị hóa tăng nhanh, giai đoạn 2016-2020 LĐNT trên địa bàn tỉnh đang dần chuyển hướng học nghề phi nông nghiệp ngày càng cao hơn trước, các nghề phổ biến như: Hàn, nề, sửa chữa xe máy, sửa chữa máy cày công suất nhỏ...

4. Tình hình thực hiện các chính sách của Đề án

Qua 10 năm thực hiện Đề án, Gia Lai đã thực hiện tốt các chính sách ưu đãi của Đề án đối với LĐNT học nghề, nên đã thu hút được lao động chính sách tham gia học nghề hầu như 100%, trong đó lao động người dân tộc thiểu số trung bình 52% (giai đoạn 2010- 2016); từ khi mức hỗ trợ tiền ăn tăng lên 30.000 đồng/ngày lao động người dân tộc thiểu số tham gia học nghề lên đến trên 90%; tỷ lệ LĐNT có việc làm sau khi học nghề vượt so với mục tiêu kế hoạch (kế hoạch 80% lao động sau khi học nghề có việc làm), chất lượng LĐNT trên địa bàn tỉnh đã có bước cải thiện đáng kể, công tác đào tạo nghề cho LĐNT đã góp phần giúp cho hàng ngàn lao động (đặc biệt là đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, người nghèo...) được chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật, kỹ năng nghề. Sau khi học nghề, nhiều lao động đã áp dụng có hiệu quả vào phát triển sản xuất, nhiều hộ gia đình đã xây dựng được các mô hình sản xuất hiệu quả, thu nhập cao. Đào tạo nghề cho LĐNT đã góp phần đem lại năng suất và thu nhập cao hơn, tạo việc làm cho nhiều lao động. Chất lượng LĐNT ngày càng tăng đã thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nghèo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

5. Tình hình thực hiện các giải pháp chủ yếu của Đề án

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò của đào tạo nghề đối với việc tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng LĐNT; đồng thời tăng cường sự lãnh đạo của các cấp Ủy đảng, tập trung chỉ đạo vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Xác định được danh mục các nghề đào tạo cho LĐNT xuất phát từ quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và yêu cầu sản xuất nông nghiệp tiên tiến hiện đại gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp dẫn đến hiệu quả sau học nghề được nâng cao.

- Xác định đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề là nòng cốt để nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề cho LĐNT, tỉnh Gia Lai đã quan tâm triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề ở các cấp, bồi dưỡng kỹ năng dạy nghề. Ngoài giáo viên cơ hữu hàng năm, đã huy động các cán bộ, kỹ sư tham gia dạy nghề cho LĐNT; đội ngũ giáo viên dạy nghề trên địa bàn tỉnh trong những năm qua tăng nhanh về mặt số lượng, đảm bảo về mặt chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề cho LĐNT về trình độ chuyên môn.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện; hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch, kịp thời tháo gỡ khó khăn và đề xuất phương thức

triển khai hiệu quả; đôn đốc các địa phương và cơ sở đào tạo thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Kết quả thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.1. Hoạt động 1: Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn.

Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án của tỉnh đã chỉ đạo Sở LĐTBXH cùng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai, Báo Gia Lai, Hội nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên các cấp tăng cường tuyên truyền, vận động, tư vấn học nghề nông nghiệp cho đối tượng LĐNT; BCĐ cấp huyện đã chỉ đạo Đài Truyền thanh - Truyền hình địa phương xây dựng chuyên mục tuyên truyền về chính sách đào tạo nghề, tư vấn học nghề, việc làm cho LĐNT; hàng năm Sở LĐTBXH tổ chức tập huấn các văn bản, chuyên đề về công tác đào tạo nghề cho LĐNT cho cán bộ xã ở 17 huyện, thị xã, thành phố và các hội đoàn thể, các Phòng LĐTBXH huyện đã phát tờ rơi đến xã về chính sách đào tạo nghề cho LĐNT; Ban Tuyên giáo một số huyện đưa chuyên đề về nội dung, chính sách và kế hoạch triển khai Đề án vào chương trình các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt hàng năm. Tổ chức tuyên truyền lồng ghép với các chương trình mục tiêu khác như chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo, chương trình việc làm.

1.2. Hoạt động 2: Điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn; định kỳ hàng năm rà soát, cập nhật, bổ sung, đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Gia Lai đã tiến hành khảo sát và lập quy hoạch ngành nghề đào tạo, dự báo nhu cầu học nghề của LĐNT và nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ gửi BCĐ Đề án cấp tỉnh phê duyệt danh mục được đào tạo các nghề nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm, tạo việc làm cho LĐNT sau học nghề.

- Giao BCĐ thực hiện Đề án cấp huyện triển khai đến BCĐ thực hiện Đề án các xã, phường, thị trấn phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện rà soát nhu cầu học nghề của LĐNT, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động LĐNT học nghề.

- Hàng năm, các huyện đã điều tra khảo sát bổ sung nhu cầu học nghề và việc làm giúp người lao động định hướng trong việc học nghề và tìm kiếm việc làm phù hợp với thị trường lao động địa phương. Trên cơ sở khảo sát các huyện xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm; do vậy đa số kế hoạch đào tạo của cấp huyện đáp ứng được nhu cầu học nghề của LĐNT và điều kiện phát triển kinh tế xã hội của huyện. Một số huyện như Mang Yang, Kbang ... còn khảo sát nhu cầu sử dụng lao động tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn định kỳ hàng năm nên cơ bản đã định hướng được nghề đào tạo cho LĐNT phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.3. Hoạt động 3: Thí điểm và nhân rộng các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn (nếu có).

Giai đoạn 2010-2015, để đào tạo nghề cho LĐNT đảm bảo hiệu quả theo yêu cầu của Đề án, Sở LĐTBXH tham mưu cho BCĐ tỉnh chọn 02 mô hình đào tạo thí điểm: Mô hình Trồng, chăm sóc và cạo mủ cao su ở huyện Chư Prông và mô hình Sửa chữa máy nông nghiệp (máy nổ: động cơ diesel 1 xy lanh) ở huyện Ia Grai, đây là mô hình có

khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, Sở LĐTBXH phối hợp Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp triển khai đào tạo nghề thí điểm cụ thể như sau:

- Lớp mô hình nghề sửa chữa máy nông nghiệp: 34 học viên, thời gian đào tạo dưới 03 tháng (01/2011-04/2011) do Trung tâm giới thiệu việc làm giảng dạy. Số học viên hoàn thành khoá học 29 học viên.

- Lớp mô hình nghề trồng, chăm sóc và cạo mủ cao su: 35 học viên, thời gian đào tạo dưới 03 tháng (01/2011-04/2011) do trường Trung cấp nghề Gia Lai giảng dạy. Số học viên hoàn thành khoá học 29 học viên.

Các lớp đào tạo nghề theo mô hình thí điểm gắn với tiêu chí giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu LĐNT trong chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới để triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, trong những năm qua (giai đoạn 2010-2020) các địa phương đã xây dựng nhiều mô hình có hiệu quả, kinh tế cao, có khả năng nhân rộng. Thông qua thí điểm các mô hình đã mang lại hiệu quả tích cực, các sản phẩm từ mô hình được thị trường chấp nhận, mang lại giá trị và hiệu quả kinh tế cao như: Từ năm 2012 trên địa bàn tỉnh cũng phát triển mạnh mô hình nghề Nè (xây dựng), LĐNT sau khi học nghề Nè được sự hỗ trợ của địa phương đã thành lập các tổ xây dựng để hành nghề, đầu tiên tại xã Ia Pết, huyện Đak Đoa với 06 tổ gần 70 lao động tham gia, đến nay trên địa bàn xã Ia Pết đã phát triển lên 13 tổ hợp xây dựng với hơn 108 lao động có tay nghề tham gia. Mô hình tổ hợp xây dựng đã được nhiều huyện trên địa bàn tỉnh quan tâm chỉ đạo, tuyên truyền, hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nhằm tạo điều kiện để người lao động tham gia học nghề, đã có nhiều huyện triển khai có hiệu quả mô hình này; riêng huyện Đak Đoa đã có 17 tổ hợp xây dựng được nhân rộng ra các xã với hơn 120 lao động tham gia như xã Glar gồm: 10 tổ, 70 lao động; xã Adok gồm: 7 tổ, 50 lao động tham gia, xã Chư Á - Thành phố Pleiku có trên 100 người tham gia mô hình này. Đến nay, hầu hết các huyện trên địa bàn tỉnh đã triển khai mô hình này, lao động sau khi học nghề Nè đã tham gia thị trường lao động trong lĩnh vực xây dựng rất hiệu quả.

Đối với các nghề khác đặc biệt là nghề nông nghiệp, lao động sau khi học nghề chủ yếu có việc làm dưới dạng tự làm và làm việc gia đình nhưng mức thu nhập được nâng cao rõ rệt so với lúc chưa qua học nghề.

1.4. Hoạt động 4: Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề công lập (nếu có).

Trong giai đoạn 2010-2020, tổng kinh phí trung ương hỗ trợ Dự án đào tạo nghề cho LĐNT: 144,374 tỷ đồng, trong đó tăng cường cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho 14 cơ sở công lập tham gia đào tạo nghề cho LĐNT với tổng kinh phí 67,8 tỷ đồng. Việc sử dụng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị dạy nghề cho các cơ sở đào tạo nghề được quản lý và giám sát chặt chẽ. Tuy nhiên, do nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ ở mức độ nhất định, kinh phí đối ứng của địa phương còn hạn chế nên xây dựng mới các Trung tâm Giao dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên chưa được hoàn thiện còn thiếu một số hạng mục công trình như nhà ăn, nhà ở giáo viên, nhà ở học sinh...

(Có Phụ lục 2 kèm theo).

1.5. Hoạt động 5: Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề

- Tổ chức xây dựng, biên soạn mới các chương trình để đào tạo theo nhu cầu học nghề của LĐNT. Thực hiện chỉnh sửa, biên soạn lại các chương trình đào tạo đang áp dụng trong đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT.

- Nhằm đáp ứng nhu cầu người học, đa dạng hóa ngành nghề đào tạo trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh phê duyệt mức chi phí đào tạo cho 48 nghề, trong đó 20 nghề phi nông nghiệp, 28 nghề nông nghiệp.

- Chương trình đào tạo nghề dưới 3 tháng được xây dựng sát với yêu cầu của thị trường lao động, đáp ứng được sự thay đổi của khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới được ứng dụng trong sản xuất đồng thời thường xuyên cập nhật, bổ sung, sửa đổi. Mặt khác chương trình đào tạo được quản lý thống nhất trên địa bàn tỉnh góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo nghề giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho LĐNT.

1.6. Hoạt động 6: Hoạt động phát triển giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề/giáo dục nghề nghiệp

- Trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của tỉnh đến nay có 573 giáo viên³; ngoài ra trung bình hằng năm hợp đồng thỉnh giảng thêm khoảng 60-80 cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân để đào tạo nghề cho LĐNT. Giáo viên tham gia đào tạo nghề cho LĐNT về trình độ chuyên môn 100% giáo viên có trình độ cao đẳng trở lên hoặc thỉnh giảng kỹ sư, nghệ nhân để tham gia giảng dạy. Đội ngũ giáo viên dạy nghề có phẩm chất chính trị tốt, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, yêu nghề, tâm huyết với nghề; có ý thức giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín, lương tâm nhà giáo đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Đến nay, có 17/17 huyện đã bố trí cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm theo dõi công tác dạy nghề thuộc Phòng LĐTBXH. Hàng năm, Sở LĐTBXH cơ quan thường trực BCĐ đã bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý, tư vấn học nghề và điều tra khảo sát nhu cầu học nghề của LĐNT cho cán bộ công chức xã và các hội đoàn thể.

1.7. Hoạt động 7: Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề

Trong giai đoạn 2010-2020, tổng số LĐNT được hỗ trợ học nghề theo chính sách Đề án 1956 là 46.113 lao động (Nông nghiệp là 32.557, phi nông nghiệp: 13.556), tổng số LĐNT học nghề đã học xong 40.336 người.

Để thu hút được LĐNT tham gia học nghề, tỉnh Gia Lai đã thực hiện các chính sách ưu đãi của Đề án đối với LĐNT học nghề. Từ năm 2017, LĐNT tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ theo Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Gia Lai, định mức hỗ trợ được nâng lên so với định mức quy định tại Quyết định 129/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 (mức chi phí đào tạo đối với các nhóm nghề 3 tháng: 1,8 triệu đồng/người/khoa học, các nhóm nghề 02 tháng: 1,4 triệu đồng/người/khoa học, các nhóm nghề 1,5 tháng: 1,1 triệu đồng/người/khoa học...vv); mức hỗ trợ tiền ăn tăng từ 15.000đồng/ngày lên 30.000 đồng/ngày...

1.8. Hoạt động 8: Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án

³ Cụ thể: trên đại học 131 giáo viên, đại học và cao đẳng 324 giáo viên, 93 trung cấp và 25 giáo viên có trình độ khác.

Trong giai đoạn 2010-2020, BCĐ cấp tỉnh đã tăng cường công tác chỉ đạo điều hành và triển khai thực hiện các hoạt động Đề án các cấp đảm bảo các chính sách hỗ trợ học nghề và giải quyết việc làm, tạo việc làm được thực hiện đồng bộ, đúng mục tiêu Kế hoạch đã đề ra. Trong đó:

- Chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với LĐNT học nghề như: chính sách về hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho các đối tượng chính sách theo quy định của Đề án.

- Kiểm tra, giám sát công tác tổ chức lớp đào tạo nghề cho LĐNT đảm bảo được thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ LĐTBXH quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ LĐTBXH quy định về đào tạo thường xuyên.

- Đánh giá hiệu quả giải quyết việc làm và mức thu nhập của LĐNT sau học nghề. Giám sát công tác quản lý, duy trì việc làm cho LĐNT sau đào tạo, trong những năm qua Thường trực HĐND tỉnh đã tổ chức 02 đoàn giám sát việc đào tạo nghề cho LĐNT; Sở LĐTBXH phối hợp với các sở, ngành liên quan đã tiến hành tổ chức kiểm tra, giám sát 2 đợt/năm; Thanh tra của Sở LĐTBXH đã tổ chức 15 lượt thanh tra diện rộng với tất cả các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho LĐNT.

- Qua hoạt động kiểm tra, giám sát và thanh tra diện rộng về đào tạo nghề, nhìn chung các cơ sở đào tạo đã phối hợp tốt với các đơn vị (Phòng LĐTBXH, UBND xã, các đoàn thể) trong việc tổ chức tuyên truyền phổ biến chính sách Quyết định 1956/QĐ-TTg và công tác tuyển sinh đào tạo nghề quản lý lớp học. Việc chi trả hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho đối tượng đầy đủ, đúng quy định. Các địa phương đã tiến hành kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho LĐNT tại các xã mở lớp và việc thực hiện kế hoạch đào tạo của các cơ sở dạy nghề. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như: Sự phối hợp trong công tác tuyển sinh của một số cơ sở đào tạo nghề với địa phương chưa nhịp nhàng, việc kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho LĐNT của địa phương tại xã, thị trấn có mở lớp chưa thường xuyên.

2. Kết quả thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã

- Trên cơ sở thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 22/11/2010 của UBND tỉnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã được triển khai nghiêm túc, đúng hướng dẫn, quy định của Trung ương góp phần chuyển biến đáng kể về trình độ, chất lượng đội ngũ cán bộ công chức xã của tỉnh, nhất là đã nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ, tính chủ động, tự giác thực hiện nhiệm vụ công vụ, tính phối hợp có chuyển biến tốt hơn, kỹ năng hành chính và hiệu quả công tác ngày một nâng cao hơn. Trong giai đoạn 2010-2020, đã đào tạo, bồi dưỡng cho 5.405 lượt cán bộ, công chức xã⁴.

⁴ Cụ thể:

- Về đào tạo trình độ trung cấp: hỗ trợ một phần kinh phí cho việc mở 02 lớp đào tạo chuẩn hóa trung cấp chuyên môn cho 78 cán bộ, công chức cấp xã (Trung cấp Thanh vận: 39 học viên; Trung cấp Luật: 39 học viên);

- Về bồi dưỡng theo chức danh theo 13 bộ tài liệu do Bộ Nội vụ chuyên giao: có 5.201 lượt cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Về số lượng cán bộ, công chức được tập huấn làm giảng viên nguồn tham gia bồi dưỡng cán bộ, công chức xã: thực hiện văn bản số 2684/BNV-ĐT ngày 26/7/2012, văn bản số 209/BNV-ĐT ngày 18/7/2014 của Bộ Nội vụ về việc cử giảng viên tham dự lớp tập huấn nguồn, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh lựa chọn, cử 42 cán bộ, giảng viên của các sở, ngành liên quan và Trường Chinh trị tinh có đủ điều kiện làm giảng viên bồi dưỡng cán bộ, công chức xã theo từng chuyên ngành để dự các khóa tập huấn giảng viên nguồn do Bộ Nội vụ tổ chức. Sau khi tham gia tập huấn các giảng viên nguồn tiếp tục tổ

- Trên cơ sở nguồn vốn được Trung ương phân bổ hàng năm, UBND tỉnh đã phê duyệt và phân bổ kinh phí thực hiện kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã của tỉnh đảm bảo đúng đối tượng, đúng nội dung và tiến độ thực hiện, cụ thể: tổng kinh phí tỉnh Gia Lai được Trung ương phân bổ để sử dụng cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg từ năm 2010-2015 là: 6.510.000.000 đồng. Trong giai đoạn từ 2016-2020, tỉnh Gia Lai không được Trung ương phân bổ kinh phí để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg; tỉnh Gia Lai vẫn chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phân bổ kinh phí mở một số lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã bằng kinh phí của tỉnh.

3. Đánh giá

3.1. Hoạt động tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn

- Thuận lợi: Công tác tuyên truyền thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dạy nghề tuy đã được chú trọng, các cơ sở đào tạo nghề phối hợp tốt với các phòng LĐTBXH, các hội, đoàn thể như: Phụ nữ, Thanh niên, Nông dân ở các địa phương trong công tác tuyên truyền cho người lao động nắm được thông tin về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT, đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ, từ đó người lao động đăng ký tham gia học nghề, đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của người học nghề và định hướng phát triển kinh tế của địa phương góp phần tạo nguồn nhân lực có trình độ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Khó khăn, tồn tại:

+ Công tác thông tin tuyên truyền chưa phong phú, sâu rộng dẫn đến một bộ phận người dân chưa quan tâm đến học nghề, chưa nhận thức đúng mục tiêu của học nghề là nhằm ổn định việc làm hoặc có thêm việc làm mới, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập, nâng cao đời sống, góp phần xóa đói giảm nghèo. Vì vậy, trên địa bàn một số huyện có xã chưa mở được lớp đào tạo nghề cho LĐNT.

+ Hoạt động tuyên truyền trong thời gian qua vẫn còn hạn chế như: tài liệu tuyên truyền phát hành chưa kịp thời, nội dung chưa phong phú, công tác tuyên truyền tư vấn học nghề cho LĐNT có nơi chưa rộng, còn có người chưa biết chính sách hỗ trợ dạy nghề, mục đích của dạy nghề.

+ Nhận thức của một bộ phận người dân đối với việc học nghề, đào tạo nghề còn hạn chế.

3.2. Hoạt động điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn; định kỳ hàng năm rà soát, cập nhật, bổ sung, đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Thuận lợi: Cơ quan thường trực ở cấp tỉnh, cấp huyện nhiệt tình và trách nhiệm.

- Khó khăn, tồn tại: Một số địa phương chưa làm tốt vai trò trong khảo sát, tuyên truyền, giám sát, đánh giá Đề án, nên chưa phát huy tốt việc đào tạo nghề gắn chuyền dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động; nhiều nơi còn lúng túng trong việc chọn ngành nghề đào tạo gắn với xã nông thôn mới; quan tâm chưa đúng mức việc quy hoạch phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp nên việc xây dựng

kế hoạch đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ nhằm phát huy tiềm năng con người chưa thật sự hiệu quả; công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo gắn với phát triển kinh tế - xã hội một số nơi còn hạn chế; công tác đào tạo nghề còn mang tính hình thức, chưa coi trọng đến chất lượng và hiệu quả sau đào tạo, nhất là việc quan tâm đến công ăn việc làm và thu nhập của LĐNT sau đào tạo.

3.3. Hoạt động thí điểm và nhân rộng các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn

- Thuận lợi: Gia Lai là tỉnh có thế mạnh về nông nghiệp, địa bàn rộng, thổ nhưỡng, khí hậu và thời tiết đa dạng nên cây trồng phong phú và việc làm phụ của người lao động tương đối nhiều.

- Khó khăn, tồn tại: Những năm gần đây giá cả các mặt hàng nông sản đặc thù của Gia Lai có bị giảm sâu, nên việc xây dựng mô hình chủ yếu là tập trung vào kinh tế cá thể. LĐNT học nghề nông nghiệp sau khi học xong chủ yếu tự phục vụ công việc của gia đình mình nhằm nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi tăng thu nhập góp phần xóa đói giảm nghèo.

3.4. Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề

- Thuận lợi: Bộ LĐTBXH có các Thông tư quy định cơ sở pháp lý cho cơ sở được quyền chủ động trong việc phát triển xây dựng chương trình, giáo trình.

- Khó khăn, tồn tại: Cơ cấu của cơ sở tham gia đào tạo nghề LĐNT trên địa bàn tỉnh mỏng nên việc đội ngũ giáo viên tham gia hoạt động phát triển xây dựng chương trình, giáo trình còn nhiều hạn chế.

3.5. Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề

- Thuận lợi: BCĐ và Cơ quan thường trực cấp tỉnh, cấp huyện triển khai chỉ đạo quyết liệt.

- Khó khăn, tồn tại, bất cập:

+ Kinh phí hỗ trợ LĐNT học nghề giao cho cấp huyện, huyện giao kinh phí lại cho các Phòng LĐTBXH, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có địa phương lại giao Phòng Kinh tế - Hạ tầng thông qua Phòng Tài chính duyệt dự toán, UBND huyện mới phê duyệt quyết định giao vốn; sau đó các phòng mới tiến hành tìm cơ sở tạo hợp đồng, cơ sở không đáp ứng được nghề sẽ không thực hiện được. Nhiều cơ sở đào tạo còn hạn chế nên quy trình triển khai vốn lòng vòng do đó có huyện đến tháng 8, 9 mới triển khai được vốn để hỗ trợ LĐNT học nghề. Chính vì vậy, từ khi thực hiện việc phân cấp cho huyện quản lý vốn để dễ quản lý nhưng triển khai chậm và giảm số lượng lao động được hỗ trợ đào tạo học nghề đáng kể.

+ Ở một số huyện, sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan chưa tốt; việc huy động các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động dạy nghề còn hạn chế; một số cơ sở dạy nghề chưa sâu sát trong việc kiểm tra, đôn đốc các lớp dạy nghề cho lao động ở nông thôn.

3.6. Hoạt động giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án

- Thuận lợi: Các địa phương đã tiến hành kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho LĐNT tại các xã mở lớp và việc thực hiện kế hoạch đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề.

- Khó khăn: Sự phôi hợp trong công tác tuyển sinh của một số cơ sở đào tạo nghề với địa phương chưa nhịp nhàng. Việc kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho LĐNT của địa phương tại xã, thị trấn có mờ lấp chưa thường xuyên.

IV. TỔNG KẾT MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành

- Sự chỉ đạo quyết liệt của cấp Ủy và chính quyền các cấp, sự tham gia tích cực và trách nhiệm của hệ thống chính trị là yếu tố then chốt quyết định cho hiệu quả của Đề án.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; đảm bảo sự giám sát của cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân là yếu tố quan trọng để nâng cao năng lực quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước các cấp trong quản lý, điều hành Đề án.

- Hình thành cơ chế giúp tạo sự gắn bó chặt chẽ của chính quyền địa phương các cấp với doanh nghiệp, các chủ thể sử dụng lao động là yếu tố quan trọng nâng cao hiệu quả xây dựng kế hoạch đào tạo, làm tiền đề nâng cao chất lượng Đề án ở các địa phương.

- Khuyến khích đẩy mạnh và phát huy sự năng động, sáng tạo của cơ sở đào tạo và người học là yếu tố quyết định nâng cao chất lượng đào tạo của Đề án.

- Chỉ đạo tổ chức lao động sản xuất hợp lý, thúc đẩy và hình thành chuỗi liên kết bao tiêu sản phẩm hàng hóa là yếu quan trọng để thúc đẩy và bảo đảm sự ổn định của Đề án ở các cấp.

2. Kinh nghiệm trong thực hiện cơ chế, chính sách đề triển khai các nội dung hoạt động

- Tăng cường công tác tuyên truyền để các đối tượng chính sách nắm rõ và biết để hưởng ứng học nghề.

- Có chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút giáo viên và người dạy nghề cho LĐNT.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu; trong đó đặc biệt ưu tiên cho đặt hàng đào tạo đối với lao động chuyển đổi từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ và lao động phổ thông học nghề để nâng cao chất lượng lao động.

3. Kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền, vận động

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho xã hội để nâng cao nhận thức rõ về vai trò, vị trí của Đề án trong phát triển nguồn nhân lực ở nông thôn.

- Các tổ chức đoàn thể phải là lực lượng nòng cốt tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp đoàn viên, hội viên của tổ chức mình trong việc chọn nghề và học nghề phù hợp.

4. Kinh nghiệm trong phát triển chương trình, giáo trình

Các cơ sở tham gia dạy nghề cho LĐNT phải nâng cao năng lực xây dựng chương trình, giáo trình dạy nghề phù hợp với đối tượng, phù hợp ngành nghề và nhu cầu công việc tại địa phương; bổ sung xây dựng chương trình, giáo trình kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp cho LĐNT học nghề.

5. Kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý

- Tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tiễn của giáo viên và bồi dưỡng kỹ năng dạy học cho người dạy nghề để nâng cao chất lượng dạy nghề cho LĐNT. Huy động các nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người lao động có tay nghề cao, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề cho LĐNT.

- Tăng cường bồi kỹ năng quản lý, tổ chức thực hiện Đề án cho cán bộ các Phòng LĐTBXH.

6. Kinh nghiệm trong xây dựng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Việc làm và thu nhập là linh hồn của mô hình đào tạo nghề cho LĐNT; ngoài ra, cần chú ý tính đa dạng từng địa phương và tính đặc thù của LĐNT như trình độ học vấn không đồng đều, lao động theo mùa vụ, thói quen canh tác... Do đó, việc xây dựng các mô hình cho Đề án phải linh hoạt về chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, phương pháp truyền đạt... Chương trình đào tạo phải gắn với học liệu sinh động, đa dạng và thiết thực, phù hợp với trình độ của người học.

7. Kinh nghiệm trong việc triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Thứ nhất, thay đổi nội dung chương trình đào tạo nghề cho LĐNT theo hướng thiết thực, hiệu quả.

- Thứ hai, đào tạo nghề cho LĐNT cần áp dụng các phương pháp giảng dạy hợp lý, linh hoạt gắn với trình độ và đặc điểm của lao động địa phương.

- Thứ ba, tích cực ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại vào quá trình đào tạo nghề cho LĐNT.

- Thứ tư, đào tạo nghề cho LĐNT cần gắn với tạo việc làm và định hướng nghề nghiệp.

8. Kinh nghiệm trong việc hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị

Đầu tư thiết bị dạy nghề để dạy nghề cho LĐNT phải thiết thực, phù hợp với trình độ đào tạo và công nghệ sản xuất tại địa phương.

9. Kinh nghiệm trong việc huy động nguồn lực thực hiện

- Triển khai huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm, Chi cục thuộc ngành nông nghiệp, nông dân sản xuất giỏi tham gia đào tạo nghề cho LĐNT.

- Xem xét, lựa chọn các cơ sở đào tạo, dạy nghề bảo đảm các điều kiện về chương trình, giáo trình, tài liệu, giáo viên, cơ sở vật chất trang thiết bị đào tạo nghề; đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình đào tạo.

10. Kinh nghiệm trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Công tác giám sát, kiểm tra các hoạt động dạy nghề phải được thực hiện thường xuyên ở tất cả các "khâu" để đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm đảm bảo chất lượng dạy nghề trong phạm vi quản lý.

11. Kinh nghiệm trong việc phối hợp của doanh nghiệp trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo nghề với thị trường lao động ở tất cả các cấp (tỉnh, huyện, xã) để đảm bảo cho các hoạt động của hệ thống đào tạo nghề hướng vào việc đáp ứng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu của người sử dụng lao động và giải quyết việc làm.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đóng góp vào quỹ hỗ trợ học nghề; đồng thời trực tiếp tham gia vào các hoạt động đào tạo nghề (xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề, xác định danh mục nghề, xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập của học sinh học nghề...); tích cực thực hiện chính sách đào tạo chuyển đổi, lao động phổ thông được bồi dưỡng, học tập đảm bảo kỹ năng nghề của người lao động trong doanh nghiệp của mình (tự tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho lao động của doanh nghiệp; phối hợp với cơ sở đào tạo nghề để cùng đào tạo, đặt hàng đào tạo).

- Tăng cường phát huy việc cung cấp thông tin về nhu cầu việc làm (số lượng cần tuyển dụng theo nghề và trình độ đào tạo, yêu cầu về thể lực, năng lực khác...) và các chế độ cho người lao động (tiền lương, môi trường và điều kiện làm việc, phúc lợi...) của Doanh nghiệp cho các cơ sở đào tạo nghề; đồng thời thường xuyên có thông tin phản hồi cho cơ sở đào tạo nghề mức độ hài lòng đối với "Sản phẩm" đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

12. Kinh nghiệm trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với phát triển sản xuất, xây dựng Hợp tác xã, liên kết chuỗi, xây dựng thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại; Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP

- Công tác đào tạo nghề cho LĐNT phải gắn với đặc thù kinh tế tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đặc trưng của mỗi vùng tạo ra được chuỗi liên kết hình thành thương hiệu riêng góp phần xây dựng nông thôn mới một cách hiệu quả, đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp ở địa phương.

- Tùy điều kiện, đặc điểm, cần lựa chọn bước đi, lộ trình thích hợp, lựa chọn các sản phẩm lợi thế của địa phương để đầu tư phát triển, nâng cấp thành sản phẩm xã, huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia và tiến tới xuất khẩu tạo chuỗi giá trị.

- Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước cần nhiệt tình, tâm huyết và có hiểu biết để chỉ đạo thúc đẩy đề xuất, sáng kiến về sản phẩm từ dưới lên (từ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ sản xuất). Các địa phương cần linh hoạt trong triển khai thực hiện các cơ chế chính sách chung của trung ương và ban hành các chính sách phù hợp điều kiện của địa phương.

V. THỐNG KÊ KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ THỰC HIỆN

(Có bảng thống kê kèm theo)

**Phần thứ hai
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐẾN NĂM 2030**

I. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT

Trong giai đoạn 2021-2025, quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp được đẩy mạnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa đồng bộ, chế biến, phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, liên

kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Số lượng các doanh nghiệp, Hợp tác xã, trang trại nông nghiệp của LĐNT. Bên cạnh đó việc đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra vấn đề cho người lao động phải được trang bị các kiến thức, tay nghề đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chất lượng cao, có truy xuất nguồn gốc, thương hiệu.

Do đó, để chuẩn bị nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn thực hiện quá trình cơ cấu lại nghành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo chủ trương đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT giai đoạn 2021-2025, tại Nghị quyết số 1033-NQ/BCSĐ ngày 20/4/2020 của Ban cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Gia Lai tổ chức xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu chung

Phát triển giáo dục nghề nghiệp là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh và đất nước; chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và lĩnh vực dịch vụ thương mại và trong nội bộ từng ngành.

Chuyển mạnh đào tạo nghề cho LĐNT từ theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của LĐNT và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương. Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho LĐNT theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để LĐNT tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề.

Đổi mới phương thức đào tạo gắn lý thuyết với thực hành, đào tạo tại các cơ sở sản xuất; ứng dụng công nghệ thông tin đào tạo từ xa, áp dụng giáo cụ trực quan sinh động. Đẩy mạnh xã hội hóa theo hướng huy động tham gia của các doanh nghiệp, Hợp tác xã, trang trại, các tổ chức khác tham gia đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2021-2025: đào tạo cho 60.000 lao động. Trong đó: cao đẳng 1.500, trung cấp 5.000 người; sơ cấp và đào tạo theo các chương trình nghề nghiệp khác 53.500 người.

Đối với đào tạo nghề cho LĐNT phải gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới tại địa phương, bảo đảm đào tạo cho 17.500 người, trong đó ưu tiên cho các đối tượng yếu thế: người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, các đối tượng chính sách, lao động nữ, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người bị thu hồi đất, người thuộc diện được hỗ trợ chính sách người có công với cách mạng.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về chính sách

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ LĐNT tham gia học nghề, tập trung đào tạo nghề theo vị trí làm việc trong doanh nghiệp, các khu công nghiệp, làng nghề, thu hút doanh nghiệp đầu tư về nông thôn, nông nghiệp; đào tạo nghề phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, gắn với thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm -

Chương trình OCOP. Trong đó tập trung đào tạo nghề, tạo việc làm cho LĐNT, vùng dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững.

2. Về cơ chế thực hiện

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác đào tạo nghề nghiệp, phát triển đa dạng các hình thức đào tạo nghề nghiệp ở địa phương như đào tạo nghề kèm cặp tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh (truyền nghề) thông qua các nghệ nhân và người có tay nghề cao. Gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền các cấp, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người học nghề từ khâu xác định nhu cầu đào tạo, tổ chức đào tạo, đến giải quyết việc làm, tiêu thụ sản phẩm.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch trải nghiệm, khách tham quan, du lịch được trải nghiệm trực tiếp tại các trang trại, cơ sở sản xuất để theo dõi quy trình sản xuất và mua các sản phẩm do lao động làm ra.

3. Về nguồn lực (trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, khác), chi tiết theo từng nội dung thực hiện

Tập trung huy động mạnh mẽ và phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn của trung ương (trong điều kiện nguồn thu ngân sách của tinh thấp và khó khăn) để triển khai đồng bộ hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT như: tăng cường hỗ trợ đào tạo cho lao động là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ đào tạo cho các đối tượng chính sách (lao động nữ, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người bị thu hồi đất, người thuộc diện được hỗ trợ chính sách người có công với cách mạng); hỗ trợ đào tạo cho LĐNT gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới tại địa phương; kinh phí để thực hiện các điều kiện đảm bảo (đào tạo giáo viên, xây dựng chương trình, giáo trình, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị...).

4. Về giải pháp triển khai thực hiện

Để triển khai tổ chức công tác đào tạo nghề cho LĐNT có hiệu quả trong thời gian tới cần phải thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với các cấp, các ngành và toàn xã hội, đồng thời tăng cường sự lãnh đạo của các cấp Ủy đảng, tập trung chỉ đạo các địa phương vùng nông thôn vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục tổ chức các hoạt động tuyên truyền các chính sách của Đề án bằng nhiều hình thức phù hợp đến người lao động, nhất là đội ngũ thanh niên trong độ tuổi lao động nhằm giúp cho họ hiểu được lợi ích từ việc học nghề, qua đó sẽ đăng ký tham gia ngày càng hiệu quả.

- Có kế hoạch khảo sát, điều tra nhu cầu học nghề sát sao để từ đó thực hiện công tác đào tạo nghề hàng năm đạt hiệu quả cao hơn.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, phân công gắn trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể, nhất là chính quyền cấp huyện, cấp xã. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

- Đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở đào tạo; thúc đẩy hiệu quả việc gắn đào tạo nghề với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động để sau học nghề người học phải có việc làm từ 80% trở lên.

- Quan tâm đầu tư tập trung nguồn lực tài chính đối với các cơ sở đào tạo nghề, đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề đáp ứng nhu cầu học nghề của LĐNT.

- Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho đội ngũ giáo viên, người dạy nghề và cán bộ quản lý nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

- Đẩy mạnh việc liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp nhằm thu hút lao động tham gia học nghề, dạy nghề gắn liền với việc làm.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của BCĐ các cấp, phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong BCĐ, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án với sự tham gia đầy đủ của các cấp Ủy đảng, chính quyền địa phương, các hội, đoàn thể và các doanh nghiệp, nhất là công tác vận động và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học nghề và tìm được việc làm phù hợp sau khi học nghề.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Đề án đào tạo nghề cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai./Th

Nơi nhận:

- BCĐTW thực hiện QĐ 1956;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Bộ NN&PTNT;
- Tổng cục GDNN;
- T/T Tỉnh ủy; T/T HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ;
- Các thành viên BCĐ 1956 của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL, KGVX.



BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
 (Kèm theo báo cáo số: 193 /BC-BCĐ ngày 8/12/2020 của Ban Chỉ đạo
 đào tạo nghề LĐNT tỉnh Gia Lai)

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2019	Ước năm 2020
I	Công tác chỉ đạo, điều hành				
1	Thành lập, kiện toàn BCĐ, Tổ Công tác các cấp				
1.1	Cấp huyện				
	Số đơn vị hành chính có LĐNT	Huyện	17	17	17
	Số huyện thành lập BCĐ/Tổ công tác	Huyện	17	17	17
1.2	Cấp xã				
	Số đơn vị hành chính có LĐNT	Xã	188	171	171
	Số xã thành lập BCĐ/Tổ công tác	Xã	156	146	146
2	Số nghề trong danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	37	48	48
	Nghề nông nghiệp	Nghề	20	28	28
	Nghề phi nông nghiệp	Nghề	17	20	20
3	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề			
	Nghề nông nghiệp	Nghề			
	Nghề phi nông nghiệp	Nghề			
4	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức chi phí đào tạo, đơn giá đặt hàng, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	37	48	48
	Nghề nông nghiệp	Nghề	20	28	28
	Nghề phi nông nghiệp	Nghề	17	20	20
5	Số đoàn kiểm tra, giám sát các cấp	Đoàn	55	53	14
II	Các hoạt động của Đề án				
1	Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho LĐNT				
	Số tin, bài tuyên truyền	Tin, bài	1.428	1.530	340
	Số người được tuyên truyền, tư vấn học nghề	Lượt người	83.532	86.694	15.000
2	Số chương trình, giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa hoặc xây dựng mới	C.Tr	37	48	48

Th

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2019	Ước năm 2020
	Số chương trình, giáo trình nghề nông nghiệp	C.Tr	20	28	28
	Số chương trình, giáo trình nghề phi nông nghiệp	C.Tr	17	20	20
3	Phát triển giáo viên, cán bộ quản lý GDNN				
	Số giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng	Người	28	140	100
	Số cán bộ chuyên trách về GDNN cấp huyện	Người	3	3	3
	Số cán bộ kiêm nhiệm theo dõi về GDNN cấp huyện	Người	16	18	18
4	Tổng số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho LĐNT	Cơ sở			
	Trường cao đẳng	Cơ sở	2	2	2
	Trường trung cấp	Cơ sở	4	5	0
	Trung tâm GDNN, GDNN-GDTX	Cơ sở	6	11	11
	Doanh nghiệp	Cơ sở			
	Cơ sở đào tạo khác	Cơ sở	4	0	0
5	Tổng số LĐNT được đào tạo các cấp trình độ	Người			
	Trình độ cao đẳng	Người			
	Trình độ trung cấp	Người			
	Trình độ sơ cấp	Người			
	Đào tạo dưới 3 tháng	Người	32.388	10.453	3.272
6	Tổng số LĐNT được hỗ trợ đào tạo	Người	32.388	10.453	3.272
6.1	Chia theo lĩnh vực	Người			
	Nông nghiệp	Người	23.793	6.799	1.965
	Phi nông nghiệp	Người	8.595	3.654	1.307
6.2	Chia theo đối tượng	Người			
	Lao động nữ	Người	12.756	3.885	1.393
	Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người	6	6	0
	Người dân tộc thiểu số	Người	27.328	9.721	2987
	Người thuộc hộ nghèo	Người	660	147	2
	Người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh	Người	83	28	0
	Người khuyết tật	Người	40	3	2
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người	78	19	41
	LĐNT khác	Người	3.478	431	38
7	Tổng số LĐNT có việc làm sau đào tạo	Người	23.744	8.254	2.650
7.1	Chia theo lĩnh vực	Người			
	Nông nghiệp	Người	17.829	5.763	1.690
	Phi nông nghiệp	Người	5.915	2.491	935
7.2	Chia theo loại hình công việc	Người			

Văn

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2019	Ước năm 2020
	LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động	Người	4		
	LĐNT được doanh nghiệp nhận bao tiêu sản phẩm	Người			
	LĐNT tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên	Người	23.740	8.254	2.650
	LĐNT thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất	Người			
8	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo ¹	Người	988	497	30
9	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá ¹	Người	1917	568	126
10	Số cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng	Người	5.399	0	0
11	Kinh phí thực hiện	Tr.đ	112.555	29.539,5	10.953
11.1	Chia theo nguồn kinh phí	Tr.đ			
	Ngân sách Trung ương	Tr.đ	105.647	27.924,5	10.803
	Ngân sách Địa phương	Tr.đ	6.513	1.615	150
	Các nguồn khác	Tr.đ	395		
11.2	Chia theo nội dung hoạt động	Tr.đ			
	Tuyên truyền, tư vấn học nghề	Tr.đ			
	Điều tra, khảo sát, rà soát, cập nhật, xác định nhu cầu học nghề	Tr.đ	850	0	0
	Phát triển chương trình, giáo trình	Tr.đ	450	0	0
	Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý	Tr.đ	28	150	180
	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề ¹	Tr.đ	64.315	7.000	3.000
	Hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT	Tr.đ	40.009	20.600	7.563
	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã	Tr.đ	6.510	0	0
	Kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động khác	Tr.đ	395	174,5	60

Văn

Phụ lục 1

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN, CHỈ ĐẠO CỦA ĐỊA PHƯƠNG VỀ
ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN VÀ CÓ LIÊN QUAN GIAI
ĐOẠN 2016 - 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 193 /BC-BCĐ ngày 18/12/2020 của Ban Chỉ đạo đào tạo
nghề cho LĐNT tỉnh Gia Lai)

TT	Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo	Ghi chú
1	Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 về việc phân bổ kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016	
2	Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020	
3	Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 19/12/ 2016 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2017 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh	
4	Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 về việc phê duyệt danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề, mức hỗ trợ đối với từng nhóm đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	
5	Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh	
6	Kế hoạch số 1063/KH-UBND ngày 23/5/2018 về việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	
7	Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh	
8	Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 về việc giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019	
9	Kế hoạch số 833/KH-UBND ngày 22/4/2019 về việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	
10	Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 về việc giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020	
11	Kế hoạch số 824/KH-UBND ngày 15/4/2020 về việc kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	

Nguồn

STT	Tên cơ sở/khuôn	Giai đoạn (2010-2020)			Năm 2010			Năm 2011			Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			
		Tổng số đầu tư	KPTW	KDP	Khác	Tổng số	KPTW	KDP	Khác	Tổng số	KPTW	KDP	Khác	Tổng số	KPTW	KDP	Khác	Tổng số	KPTW	KDP	Khác	Tổng số	KPTW	KDP	Khác	Tổng số	KPTW	KDP	Khác	Tổng số	KPTW	KDP	Khác		
1	Trường Cao đẳng Gia Lai	478	-	-	-	478	-	-	478	478	-	-	-	1,400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Trung Tâm GDNN - Huyện K'long	8.922	-	-	-	5.000	5.000	-	2.522	2.522	-	-	-	1,400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	GDTX huyện K'long	400	9.000	400	-	5.000	5.000	-	3.000	3.000	-	-	-	1,400	1,000	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Trung Tâm GDNN - Huyện K'bang	8.000	8.000	-	-	-	-	-	8.000	8.000	-	-	-	11.800	8.800	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	FPT - Trường CĐNN - Huyện Ia Grai	11.600	8.800	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.633	8.800	1.833	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Trung Tâm GDNN - Huyện Mang Yang	10.633	8.800	1.833	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.482	8.800	1.682	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	Trung Tâm GDNN - Huyện Chư Prông	10.482	8.800	1.682	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
8	Trường TCN An Khê	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
9	TTGTVL	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	Trung Tâm GDNN - Huyện Chư Sê	3.000	3.000	-	-	-	-	-	3.000	3.000	-	-	-	7.000	7.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
11	Trung Tâm GDNN - Huyện Chư Pah, Dak Đoa, Dak Per	7.000	7.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Trung Tâm GDNN - Huyện Chư Puk	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.000	6.000	-	-	8.000	8.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tổng cộng:		74.715	67.800	6.915	-	15.000	15.000	-	-	6.000	6.000	-	-	-	32.915	26.400	6.515	-	1.400	1.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

Thống kê